

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (lần 2) hạng mục: Mạng công đấu nối hộ dân và Điều chỉnh bổ sung dự toán gói thầu BSWW-06: Xây dựng mạng công đấu nối hộ dân thuộc Công trình: Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/03/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số: 1014/QĐ-UBND ngày 24/04/2014 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán gói thầu BSWW-06: Mạng công đấu nối hộ gia đình thuộc dự án: Đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số: 4988/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán gói thầu BSWW-06: Mạng công đấu nối hộ gia đình thuộc dự án: Đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa; số: 5082/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 về việc phê duyệt điều chỉnh bổ sung dự toán gói thầu BSWW-06: Xây dựng mạng công đấu nối hộ dân thuộc dự án: Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét tờ trình số: 246/TTr-QLDA ngày 27/10/2017 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế và Dự toán hạng mục: Mạng công đấu nối hộ dân. Công trình: Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Theo đề nghị của trưởng phòng Quản lý đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán (lần 2) hạng mục: Mạng công đấu nối hộ dân và Dự toán gói thầu BSWW-06:

Xây dựng mạng công đầu nối hộ dân thuộc Công trình: Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Công trình: Xây dựng và cải tạo hệ thống thoát nước thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Tên gói thầu sốBSWW-6: Xây dựng mạng công đầu nối hộ dân.

3. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã thị xã Bim Sơn.

Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bim Sơn.

5. Tổ chức tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán: Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng CENCO.

6. Nội dung điều chỉnh, bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán:

6.1. Lý do điều chỉnh: Tuy nhiên trong quá trình thiết kế còn một số nội dung chưa nghiên cứu kỹ như: một số khu vực trên địa bàn thị xã bị ú đọng nước gây ô nhiễm môi trường nhưng chưa được xử lý,... do đó cần phải nghiên cứu điều chỉnh để đảm bảo chất lượng công trình và phù hợp với thực tế.

- Cải tạo hệ thống thoát nước và thu gom nước thải theo hệ thống mương chung lưu vực PS6 phường Ngọc Trạo, trên đường Đoàn Kết và đường Trần Bình Trọng.

- Cải tạo hệ thống thoát nước khu vực chợ tạm Bim Sơn khu vực ngập úng khi mưa to và bão lụt lưu vực PS7 phường Ngọc Trạo, trên đường Nguyễn Bính và đường Nguyễn Trục.

6.2. Phần điều chỉnh giảm trừ:

- Giảm trừ 134.0m tuyến ống nhựa uPVC 225 trên tuyến đường Nguyễn Huệ (QL1A), phường Ngọc Trạo và phường Phú Sơn(thuộc lưu vực PS7); và 893.0m tuyến ống uPVC 160 nằm chiếm chỗ 30cm trong 2975 hố ga; 74cút nhựa uPVC 225x45 do thiết kế thừa chi tiết, colene neo ống thuộc lưu vực PS2, PS6;

- Giảm trừ 338.0m³ phần cắt phá mặt đường asphalt; và phần lấp đặt 233 tấm đan giảm tải; 78.0m³ hoàn trả theo hiện trạng móng cấp phối đá dăm lớp dưới; 52.0m³ móng cấp phối đá dăm lớp trên; 589.0m³ rải thảm mặt-đường bê tông nhựa hạt trung, chiều dày đã lên ép 7cm hoàn trả theo hiện trạng; 589.0m² tưới nhựa bám dính mặt đường bằng nhũ tương và 305.0m² rải thảm mặt đường bê tông nhựa hạt mịn; và phần tháo, lấp tấm đan lưu vực PS4 khối lượng không thi công được;

- Khối lượng mương thoát nước sau nhà đã thi công theo thực tế giảm so với thiết kế trên lưu vực PS6 phường Ngọc trạo. Nội dung giảm khối lượng là do khi thi công thực tế có những tuyến đã có mương cũ đảm bảo không cần cải tạo mới, và một số tuyến không thể thi công được do không giải phóng được mặt bằng(tuyến thi công không giải phóng được mặt bằng từ số nhà 135 đường Nguyễn Văn Cừ đến đầu đường Nguyễn Thiếp, phường Ngọc Trạo).

6.3. Phân điều chỉnh bổ sung:

- Xây mới tuyến mương tại khu vực Chợ tạm Bìm Sơn trên tuyến đường Nguyễn Bính và Nguyễn Trục thuộc phường Ngọc Trạo. Trong đó:

+ Bổ xung tuyến mương: DV7- CHO1 với chiều dài 46m, DV7 – CHO2 với chiều dài 99 m. Có quy mô mương xây 500x750 mm, xây tường dày 220mm, nắp tấm đan BTCT kích thước 500x720x100 mm.

+ Bổ xung tuyến mương: DV7-CHO3: chiều dài 47m, mương xây 600x700 mm, xây tường dày 220mm, nắp tấm đan kích thước 500x820x100 mm ,DV7- CHO5: chiều dài 46 m, mương xây 600x900 mm, xây tường dày 220mm, nắp tấm đan kích thước 500x820x100 mm: biện pháp thi công đào bằng máy đào kết hợp sửa thủ công và gia cố Thép I , tôn tấm.

+ Chiều dài gia cố 93m, đóng thép I100 chiều dài 1,6m khoảng cách 1m/cọc, tôn tấm và thanh chống gia cố chống sạt lở đất (lý do: mương thoát nước theo thiết kế nằm sát tường rào cao 2.5m , công nhà và công trình nhà dân, có khả năng tình trạng nứt nghiêng trong quá trình thi công).

+ Bổ xung tuyến mương: DV7- CHO4: chiều dài 47 m, mương xây 600x750 mm, xây tường dày 220mm, nắp tấm đan BTCT kích thước 500x820x100 mm, biện pháp thi công đào bằng máy đào kết hợp sửa thủ công. Đoạn thi công này không dùng biện pháp gia cố vì có mặt bằng thi công không bị ảnh hưởng công trình nhà dân.

- Xây mới tuyến mương tại tuyến đường Đoàn Kết và Trần Bình Trọng thuộc phường Ngọc Trạo. Trong đó:

+ Bổ xung tuyến mương: DV6- ĐK: chiều dài 90 m, mương xây 600x1000 mm, xây tường dày 220mm, nắp tấm đan kích thước 500x820x100 mm, DV6- TBT1: chiều dài 55 m, mương xây 600x750 mm, xây tường dày 220mm, nắp tấm đan kích thước 500x820x100 mm, biện pháp thi công đào bằng máy đào kết hợp sửa thủ công và gia cố Thép I, tôn tấm.

+ Chiều dài gia cố 125m, đóng thép I100 chiều dài 1,6m khoảng cách 1m/cọc, tôn tấm và thanh chống gia cố chống sạt lở đất (mương thoát nước nằm sát tường rào cao 2.5m , tình trạng nứt nghiêng, xây tường vôi, đã lâu năm).

- Biện pháp gia cố tính cho phần thi công tuyến Đường Đoàn kết chiều dài gia cố L=70 m , thép I100, tôn tấm 3mm, thanh chống D48.

6.4. Dự toán và nguồn vốn:

a) Dự toán:

- Cơ sở lập dự toán:

+ Vận dụng Quyết định số 1172/QĐ-BXD ngày 26/12/2012 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Định mức dự toán xây dựng công trình phần xây dựng (sửa đổi và bổ sung); Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 26/12/2012 của Bộ Xây dựng về việc Công bố Định mức dự toán xây dựng công trình phần lắp đặt (sửa đổi và bổ sung); Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thanh Hóa – Phần xây

dựng bổ sung ban hành theo Quyết định số 3500/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thanh Hóa – Phần xây dựng bổ sung ban hành theo Quyết định số 3446/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Phần xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số: 247/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Đơn giá phần sửa chữa ban hành theo Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 20/01/2017 của UBND tỉnh; Đơn giá phần khảo sát ban hành theo Quyết định số 248/QĐ-UBND ngày 20/01/2017; Đơn giá phần lắp đặt ban hành theo Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 20/01/2017; Đơn giá xây dựng công trình tỉnh Thanh Hóa – Phần bảng giá ca máy ban hành kèm theo Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 23/08/2016 của UBND tỉnh. Quyết định số 1474/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Công bố đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Công bố giá vật liệu quý III/2017 số 5472/LSXD-TC ngày 05/10/2017 của Liên Sở Xây dựng – Tài chính Thanh Hóa và giá vật liệu, nhân công thực tế ngoài thị trường.

b) Giá trị dự toán phê duyệt:

*** Giá trị dự toán sau điều chỉnh bổ sung là: 15.633.929.000 đồng**

(Bằng chữ: Mười lăm tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, chín trăm hai chín nghìn đồng)

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 14.971.942.056 đồng. |
| - Chi phí quản lý dự án: | 326.597.704 đồng. |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 61.299.976 đồng. |
| - Chi phí khác: | 216.323.810 đồng. |
| - Dự phòng: | 57.765.503 đồng. |

b) Xây dựng mạng cống đẩu nối hộ dân đã phê duyệt theo quyết định 4988/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của UBND thị xã Bỉm Sơn là: 15.633.929.000 đồng

(Bằng chữ: Mười lăm tỷ, sáu trăm ba mươi ba triệu, chín trăm hai chín nghìn đồng)

Trong đó:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Chi phí xây dựng: | 14.660.611.059 đồng. |
| - Chi phí quản lý dự án: | 326.597.704 đồng. |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 61.299.976 đồng. |
| - Chi phí khác: | 184.110.854 đồng. |
| - Dự phòng: | 401.309.456 đồng. |

*** Chi tiết tăng giảm:**

- | | |
|----------------------------|-------------------|
| - Chi phí xây dựng (tăng): | 311.330.997 đồng. |
| - Chi phí khác (tăng): | 32.212.956 đồng. |
| - Dự phòng (giảm): | 343.543.953 đồng. |

7. Điều chỉnh Dự toán gói thầu:

7.1. Nội dung điều chỉnh:

Điều chỉnh lại khối lượng thực hiện gói thầu BSWW-06 sau khi điều chỉnh bổ sung thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Mạng công đấu nối hộ dân.

7.2. Dự toán gói thầu điều chỉnh:

a) Dự toán gói thầu BSWW-06: Xây dựng mạng công đấu nối hộ dân sau điều chỉnh bổ sung là: 15.078.333.000 đồng.

(Bằng chữ: Mười lăm tỷ, không trăm bảy tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí hạng mục chung: 232.341.045 đồng.
- Chi phí xây lắp: 14.830.792.056 đồng.
- Chi phí dự phòng: 15.199.659 đồng.

b) Dự toán gói thầu BSWW-06: Xây dựng mạng công đấu nối hộ dân đã phê duyệt theo quyết định 5082/QĐ-UBND ngày 21/10/2016 của UBND thị xã Bỉm Sơn là: 15.078.333.000 đồng

(Bằng chữ: Mười lăm tỷ, không trăm bảy tám triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng)

Trong đó:

- Chi phí hạng mục chung: 200.128.089 đồng.
- Chi phí xây lắp: 14.519.461.059 đồng.
- Chi phí dự phòng: 358.743.612 đồng.

*** Chi tiết điều chỉnh tăng giảm:**

- Chi phí hạng mục chung (tăng): 32.212.956 đồng.
- Chi phí xây lắp (tăng): 311.330.997 đồng.
- Chi phí dự phòng (giảm): 343.543.953 đồng.

8. Nguồn vốn: Từ nguồn vốn thực hiện gói thầu BSWW-06.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bỉm Sơn căn cứ nội dung trên thực hiện điều chỉnh giá gói thầu và thực hiện công tác quản lý dự án, nghiệm thu thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND&UBND Thị xã, Trưởng các phòng ban: Quản lý đô thị, Tài chính – kế hoạch, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Bỉm Sơn, và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3QĐ;
- Lưu: VT, QLĐT.



Bùi Huy Hùng